TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 08/2018/DS-ST
Ngày 27.3.2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hồng** và bà **Lê Thị Nhớ**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phan Khánh Vi** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông **Lê Thanh Tráng** - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2017/TLST-DS ngày 17. 10. 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2018/QĐXXST- DS ngày 05.02.2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Lê Thị V, sinh năm 1979; Trú tại: K158/56 Trần Cao V, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960. Trú tại: Tổ 52 (mới), phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án, trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 29/5/2015, bà Nguyễn Thị L có mượn tôi số tiền 5.000.000 đồng, với tiền lãi mỗi tháng 250.000 đồng, góp hằng ngày 175.000 đồng trong vòng 01 tháng. Sau khi mượn tiền, bà L có góp tiền hàng ngày cho tôi nhưng số tiền không đủ theo như thỏa thuận trên và không đủ tiền lãi phải trả hàng tháng cho tôi. Tôi đã nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền nhưng đến nay bà L vẫn không trả. Nay tôi khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả cho tôi số tiền gốc là 5.000.000 đồng và tôi không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L vắng mặt nên không có ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đầy đủ thủ tục trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn

đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 5.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lê Thị V và bị đơn là bà Nguyễn Thị L là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận Thanh Khê, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Bà Lê Thị V yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền 5.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ vào giấy mượn tiền của bà L ký ngày 29.5.2015 (Dương lịch) mượn bà V số tiền 5.000.000 đồng xác định giữa các bên đã ký kết hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Hai bên thỏa thuận trả lãi hàng ngày và không ấn định thời hạn trả gốc. Đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi do các bên tự nguyện giao kết được bảo vệ và đảm bảo thực hiện. Hội đồng xét xử thấy rằng, giao dịch vay tiền giữa bà V và bà L là tự nguyện và được pháp luật bảo vệ, do đó các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các điều khoản cam kết trong hợp đồng. Bà L đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi hàng ngày như cam kết và bà V đã nhiều lần trực tiếp yêu cầu bà L trả tiền nhưng đến nay bà L vẫn không trả. Như vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc bà L có nghĩa vụ trả số tiền 5.000.000 đồng là có căn cứ.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà L nhưng bà L cố tình vắng mặt, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: - Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Lê Thị V đối với bà Nguyễn Thị L.

Xử:

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Lê Thị V số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ;

Bà Lê Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 7590 ngày 17.10.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế th i hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự . Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường